

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2010/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 09 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

KHOÁ XIV KỲ HỌP THỨ 22

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Xét Tờ trình số 2397/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc đề nghị phê chuẩn phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 với nội dung sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Chỉ tiêu kinh tế

1. Tổng sản phẩm (GDP) tăng trên 12,8%. Trong đó:

- Nông - lâm - ngư nghiệp tăng trên 4,3%;

- Công nghiệp, xây dựng tăng trên 11,9%

- Dịch vụ tăng trên 16,6%.

2. Tỷ trọng cơ cấu các ngành kinh tế trong GDP: Công nghiệp - xây dựng 22,1%; Dịch vụ 49,9%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 28,0%.

3. Thu nhập bình quân đầu người/năm đạt 14 triệu đồng, tương đương khoảng 700 USD.

4. Tổng sản lượng lương thực có hạt trên 234 ngàn tấn; giá trị sản xuất nông nghiệp đạt trên 21 triệu đồng/ha canh tác.

5. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn 167 triệu USD, trong đó: kim ngạch xuất khẩu 127 triệu USD, nhập khẩu 40 triệu USD.

6. Thu ngân sách trên địa bàn 505 tỷ đồng, trong đó: thu xuất nhập khẩu 100 tỷ đồng, thu nội địa 405 tỷ đồng.

7. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5.700 tỷ đồng (tăng 16,3% so với ước thực hiện năm 2010).

b) Chỉ tiêu xã hội và môi trường

1. Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đạt 167 xã/199 xã (ước thực hiện năm 2010 là 152 xã) và bắt đầu triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

2. Giảm tỷ suất sinh trung bình 0,2‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,03%.

3. Có 7,2 bác sỹ/vạn dân; 70% trạm y tế xã có bác sỹ; xây dựng 15 trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia và 15 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.

4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cuối năm 2011 còn dưới 21,4%.

5. Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá 75%; tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá 45%; số cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hoá 86%; số đơn vị cơ sở có nhà văn hoá 52%.

6. Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3% trở lên.

7. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 28%, trong đó đào tạo nghề 21%. Tỷ lệ thất nghiệp ở thị xã, thị trấn dưới 5,2%; tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn 80%.

8. Tỷ lệ che phủ rừng 52%.

9. Phần đầu đạt trên 70% dân cư thành thị được dùng nước sạch, trên 85,4% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

2. Những giải pháp chủ yếu

1. Tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp

Thực hiện các chính sách và giải pháp nhằm hoàn thiện môi trường kinh doanh bình đẳng. Tiếp tục công khai hoá và minh bạch các loại giấy phép đang còn hiệu lực, công khai hoá các quy hoạch của tỉnh; rà soát và minh bạch hoá danh mục các lĩnh vực, địa bàn thuộc diện cấm kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện.

Thực hiện các cơ chế, chính sách, biện pháp hỗ trợ cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác; rà soát, bãi bỏ các quy định của địa phương đã ban hành nhưng không còn phù hợp; bổ sung, sửa đổi đảm bảo các quy định rõ ràng, cụ thể, hợp lý.

2. Thực hiện các giải pháp, chính sách tạo việc làm, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội

Tiếp tục thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan đến tạo việc làm và xoá đói giảm nghèo được Chính phủ phê duyệt. Tập trung vốn tín dụng ưu đãi và thực hiện các biện pháp khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 41/2010/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Thực hiện các giải pháp thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tạo điều kiện thành lập mới các doanh nghiệp, hợp tác xã; tăng cường cho vay giải quyết việc làm; đẩy mạnh xuất khẩu lao động... tiếp tục triển khai mở rộng các hình thức dạy nghề, hỗ trợ cho vay để học nghề, tạo việc làm...chuẩn bị đảm bảo đủ nguồn tài chính thực hiện chính sách điều chỉnh tiền lương và phụ cấp xã hội trong năm 2011.

Tiếp tục quan tâm đầu tư cho y tế, giáo dục và đào tạo nghề, nhất là vùng khó khăn, củng cố hệ thống an sinh xã hội, tăng đầu tư cho nông nghiệp, lâm nghiệp.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ các gia đình chính sách, người dân vùng khó khăn, vùng bị thiên tai, đồng bào dân tộc thiểu số. Sử dụng có hiệu quả Quỹ trợ cấp xã hội cho công tác xoá đói giảm nghèo và thực hiện các chương trình xã hội cho các đối tượng đặc biệt khó khăn. Bảo đảm thực hiện tốt chính sách khám chữa bệnh và bảo hiểm y tế cho người nghèo.

3. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả bộ máy quản lý Nhà nước

Thực hiện đơn giản hoá thủ tục hành chính ở tất cả các cấp, các ngành của tỉnh theo Đề án 30 của Chính phủ. Tiếp tục hiện đại hoá nền hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn hoá cán bộ, công chức; nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức. Tiếp tục thực hiện việc đổi mới cơ chế, sắp xếp và đổi mới nhân sự theo hướng nâng cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức.

Triển khai có hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí.

4. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn dân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, các Chỉ thị của Trung ương, của tỉnh về công tác quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XIV, kỳ họp thứ 22 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hà Ngọc Chiến